

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho Vạn Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đoàn Thị Đông	Chủ tịch
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên
Ông Trần Mạnh Đức	Thành viên
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên
Ông Lê Việt Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc
Bà Đoàn Thị Đông	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2013

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN MẠNH ĐỨC

Số: 096 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), lập ngày 12 tháng 8 năm 2013, từ trang 3 đến trang 24.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1204-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		140.877.041.360	136.062.901.110
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	60.535.605.118	62.477.239.278
1. Tiền	111		10.335.605.118	4.119.169.621
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.200.000.000	58.358.069.657
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.972.690.280	2.672.781.360
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.979.120.100	6.979.120.100
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.006.429.820)	(4.306.338.740)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.760.820.730	59.364.550.018
1. Phải thu khách hàng	131		59.021.852.836	56.467.180.551
2. Trả trước cho người bán	132		2.230.795.607	1.066.244.156
3. Các khoản phải thu khác	135	7	9.424.333.839	3.641.602.832
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(1.916.161.552)	(1.810.477.521)
IV. Hàng tồn kho	140		2.594.889.855	3.667.811.986
1. Hàng tồn kho	141	9	2.594.889.855	3.667.811.986
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.013.035.377	7.880.518.468
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.613.996.651	1.006.319.659
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.859.340	2.815.768
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	147.660.765
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	3.376.179.386	6.723.722.276
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		31.802.529.217	33.242.520.509
I. Tài sản cố định	220		29.253.974.107	30.978.074.493
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	28.028.339.315	29.623.322.795
- Nguyên giá	222		98.184.361.498	99.048.737.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.156.022.183)	(69.425.414.493)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.225.634.792	1.354.751.698
- Nguyên giá	228		2.465.843.779	2.534.943.731
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.240.208.987)	(1.180.192.033)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.680.000.000	1.680.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	1.680.000.000	1.680.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		868.555.110	584.446.016
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	692.626.510	408.517.416
2. Tài sản dài hạn khác	268		175.928.600	175.928.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		172.679.570.577	169.305.421.619

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		44.043.654.505	40.784.687.703
I. Nợ ngắn hạn	310		43.441.153.505	40.216.811.703
1. Phải trả người bán	312		31.823.155.498	28.835.899.275
2. Người mua trả tiền trước	313		361.649.232	401.140.262
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	1.863.765.969	3.124.736.596
4. Phải trả người lao động	315		6.074.210.804	4.243.114.288
5. Chi phí phải trả	316		166.498.000	212.218.008
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	2.708.918.254	2.812.755.373
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		442.955.748	586.947.901
II. Nợ dài hạn	330		602.501.000	567.876.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		602.501.000	567.876.000
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		128.635.916.072	128.520.733.916
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	128.635.916.072	128.520.733.916
1. Vốn điều lệ	411		83.518.570.000	83.518.570.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.894.818.939	5.654.810.040
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.316.847.261	20.836.829.464
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.822.713.838	4.078.708.499
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.082.966.034	14.431.815.913
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		172.679.570.577	169.305.421.619

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01-DN	
		30/6/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	002	571.087.073.276	504.987.308.658
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	004	624.958.040	624.958.040
3. Ngoại tệ (USD)	007	35.359	49.268
4. Ngoại tệ (EUR)	007	296	554

Giá trị vật tư hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày kết thúc niên độ kế toán thể hiện giá trị của các loại hàng hóa đang được gửi tại các kho của Công ty theo các hợp đồng cho thuê kho.


Phạm Tường Minh
Người lập


PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN MẠNH ĐỨC


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Báo cáo tài chính**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013**Mẫu B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	311.485.471.849	295.636.125.152
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		311.485.471.849	295.636.125.152
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	255.017.172.277	240.729.335.746
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		56.468.299.572	54.906.789.406
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.907.860.620	2.974.515.447
7. Chi phí tài chính	22	23	(139.639.218)	74.626.842
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.555.064	5.139.278
8. Chi phí bán hàng	24		36.602.717.951	35.826.838.842
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.739.136.446	5.289.054.155
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		16.173.945.013	16.690.785.014
11. Thu nhập khác	31		943.417.827	213.367.468
12. Chi phí khác	32		4.534.325.867	10.382.198
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	24	(3.590.908.040)	202.985.270
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		12.583.036.973	16.893.770.284
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	2.952.597.368	4.068.527.571
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		9.630.439.605	12.825.242.713
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.153	1.536


Phạm Tường Minh
Người lập

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


TRẦN MẠNH ĐỨC

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.583.036.973	16.893.770.284
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.581.626.305	2.857.704.247
Các khoản dự phòng	03	(194.224.889)	(538.594.197)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	24.453.818	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.954.885.222)	(2.763.579.541)
Chi phí lãi vay	06	8.555.064	5.139.278
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.048.562.049	16.454.440.071
Thay đổi các khoản phải thu	09	(6.151.216.102)	(12.869.972.545)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.123.146.477	(2.531.074.317)
Thay đổi các khoản phải trả	11	4.299.036.671	7.169.265.679
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.353.223.148)	(14.247.029)
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.555.064)	(5.139.278)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.038.082.990)	(3.754.870.771)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	675.232.023	334.516.430
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.406.458.771)	(3.106.870.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.188.441.145	1.676.047.323
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.542.828.399)	(178.141.820)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	270.240.909	818.181
3. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.805.102.545	2.497.868.104
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.532.515.055	2.320.544.465
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.416.350.776	4.500.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.416.350.776)	(4.500.000.000)
3. Cổ tức đã trả	36	(6.662.590.360)	(8.343.161.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.662.590.360)	(8.343.161.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(1.941.634.160)	(4.346.569.312)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	62.477.239.278	56.839.351.320
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	86.950.555
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	60.535.605.118	52.579.732.563

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả cổ tức và thu từ lãi trong kỳ không bao gồm số tiền lần lượt là 161.166.133 đồng (năm 2012: 142.270.893 đồng) và 240.000.000 đồng (năm 2012: 263.943.036 đồng) là số cổ tức đã công bố trong kỳ nhưng chưa thanh toán và khoản lãi dự thu nhưng chưa thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và các khoản phải thu.

Phạm Tường Minh
Người lập



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2013

TRẦN MẠNH ĐỨC

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Kho Vận Miền Nam theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM ngày 27 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300645369 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và thay đổi lần thứ 7 ngày 1 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) với tỷ lệ sở hữu chiếm 47,73% vốn điều lệ của Công ty, tương đương với quyền biểu quyết tương ứng. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 4 tháng 2 năm 2010 với mã cổ phiếu là STG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 326 người (năm 2012: 330 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh, kinh doanh kho ngoại Quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa, đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn, sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ), mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng, mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở), kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, đại lý bảo hiểm, cho thuê xe ô tô, mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, đại lý bán vé tàu thủy, bán buôn phân bón, bình ắc quy.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho giai đoạn 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký cược, ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và nhận ký cược, ký quỹ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 40
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và trang web được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền Công ty sử dụng lô đất tại 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, CHXHCN Việt Nam trong 50 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng của lô đất.

Phần mềm máy tính và trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn là các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch này. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được xem là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các quỹ**

Công ty được trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo điều lệ Công ty và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	1.695.967.971	1.267.195.171
Tiền gửi ngân hàng	8.639.637.147	2.851.974.450
Các khoản tương đương tiền	50.200.000.000	58.358.069.657
	60.535.605.118	62.477.239.278

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất từ 6% đến 7% (năm 2012: từ 8% đến 9%).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		
Chứng khoán đã niêm yết	4.516.720.100	4.516.720.100
Chứng khoán chưa niêm yết	2.462.400.000	2.462.400.000
	6.979.120.100	6.979.120.100
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.006.429.820)	(4.306.338.740)
	2.972.690.280	2.672.781.360

Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dựa trên giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối năm tài chính đối với những chứng khoán niêm yết. Đối với những chứng khoán chưa niêm yết, Công ty trích lập dự phòng dựa trên báo giá trung bình của 3 công ty chứng khoán hoặc giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom), trường hợp không thu thập được giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết thì Công ty không trích lập dự phòng.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các chi trả hộ tiền phụ phí xếp dỡ tại cảng bao gồm các khoản phí liên quan đến việc xếp dỡ, tập kết container từ kho bãi ra cầu tàu, lưu kho tại cảng.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty TNHH Dos-TEX Việt Nam	789.775.980	789.775.980
Công ty TNHH Glory Oceanic (Việt Nam)	-	442.926.708
Công ty TNHH TM DV XNK Hiệp Tiến Phát	370.823.240	259.576.268
Công Ty Cổ Phần Dabaco Tiền Giang	402.615.020	241.404.012
Các khách hàng khác	352.947.312	76.794.553
	1.916.161.552	1.810.477.521

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng hoá	2.594.889.855	3.667.811.986

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	2.960.734.586	6.193.537.476
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	415.444.800	530.184.800
	3.376.179.386	6.723.722.276

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2013	50.797.337.102	5.952.224.757	39.810.344.625	2.488.830.804	99.048.737.288
Tăng trong kỳ	1.279.782.945	-	-	263.045.454	1.542.828.399
Thanh lý	-	-	(703.445.043)	(45.338.600)	(748.783.643)
Phân loại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(156.910.318)	(153.798.160)	(40.036.797)	(1.307.675.271)	(1.658.420.546)
Tại ngày 30/6/2013	51.920.209.729	5.798.426.597	39.066.862.785	1.398.862.387	98.184.361.498
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2013	43.179.506.780	3.767.516.079	20.758.924.262	1.719.467.372	69.425.414.493
Khấu hao trong kỳ	677.117.586	206.223.622	1.514.999.870	76.665.977	2.475.007.055
Thanh lý	-	-	(617.280.459)	(34.987.988)	(652.268.447)
Phân loại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(146.304.250)	(96.034.576)	(28.880.544)	(820.911.548)	(1.092.130.918)
Tại ngày 30/6/2013	43.710.320.116	3.877.705.125	21.627.763.129	940.233.813	70.156.022.183
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	8.209.889.613	1.920.721.472	17.439.099.656	458.628.574	28.028.339.315
Tại ngày 31/12/2012	7.617.830.322	2.184.708.678	19.051.420.363	769.363.432	29.623.322.795

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang còn tiếp tục sử dụng với nguyên giá là 41.915.581.339 đồng (năm 2012: 43.263.712.847 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Trang web VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2013	1.287.550.000	1.069.512.750	177.880.981	2.534.943.731
Phân loại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(53.082.000)	(16.017.952)	(69.099.952)
Tại ngày 30/6/2013	1.287.550.000	1.016.430.750	161.863.029	2.465.843.779
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2013	171.673.360	835.653.027	172.865.646	1.180.192.033
Khấu hao trong kỳ	12.875.502	93.743.748	-	106.619.250
Phân loại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(35.599.679)	(11.002.617)	(46.602.296)
Tại ngày 30/6/2013	184.548.862	893.797.096	161.863.029	1.240.208.987
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2013	1.103.001.138	122.633.654	-	1.225.634.792
Tại ngày 31/12/2012	1.115.876.640	233.859.723	5.015.335	1.354.751.698

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần SDB Việt Nam (“Công ty liên kết”), một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41132000017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2007, và các giấy chứng nhận sửa đổi. Hoạt động chính của Công ty liên kết là kinh doanh dịch vụ kho bãi; dịch vụ đại lý vận tải; dịch vụ thủ tục, hải quan; dịch vụ logistics. Giá gốc của khoản đầu tư là 1.680.000.000 đồng (năm 2012: 1.680.000.000 đồng) chiếm 35% (năm 2012: 35%) vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong Công ty liên kết. Tại ngày lập báo cáo, Công ty liên kết không phát sinh lỗ lũy kế nên không cần trích lập dự phòng.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	408.517.416	813.369.399
Tăng trong kỳ/năm	564.135.963	213.581.737
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(280.026.869)	(618.433.720)
Số dư cuối kỳ/năm	692.626.510	408.517.416

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	742.908.349	843.738.111
Thuế thu nhập doanh nghiệp	952.597.368	2.038.082.990
Thuế thu nhập cá nhân	168.012.452	242.859.695
Các loại thuế khác	247.800	55.800
	1.863.765.969	3.124.736.596

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	5.548.396	25.863.591
Bảo hiểm xã hội	6.750.354	-
Bảo hiểm y tế	9.182.807	3.817.977
Bảo hiểm thất nghiệp	3.357.462	8.031.074
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.280.250.698	1.217.092.496
Phải trả khác	1.403.828.537	1.557.950.235
	2.708.918.254	2.812.755.373

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 1/1/2012	83.518.570.000	4.453.538.386	37.257.128	18.434.286.157	3.763.537.087	15.673.576.074	125.880.764.832
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	24.800.177.972	24.800.177.972
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(37.257.128)	-	-	-	(37.257.128)
Phân phối quỹ	-	1.201.271.654	-	2.402.543.307	720.762.992	(4.324.577.953)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.374.085.400)	(18.374.085.400)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.396.515.722)	(2.396.515.722)
Giảm khác	-	-	-	-	(405.591.580)	(946.759.058)	(1.352.350.638)
Tại ngày 31/12/2012	83.518.570.000	5.654.810.040	-	20.836.829.464	4.078.708.499	14.431.815.913	128.520.733.916
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	9.630.439.605	9.630.439.605
Tăng vốn	-	1.240.008.899	-	-	-	(1.240.008.899)	-
Phân phối quỹ	-	-	-	2.480.017.797	744.005.339	(3.224.023.136)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(6.681.485.600)	(6.681.485.600)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.680.017.797)	(2.680.017.797)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(153.754.052)	(153.754.052)
Tại ngày 30/6/2013	83.518.570.000	6.894.818.939	-	23.316.847.261	4.822.713.838	10.082.966.034	128.635.916.072

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 080/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 3 năm 2013, Hội đồng Quản trị đã quyết định trả cổ tức lần hai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với tỷ lệ 8% trên vốn điều lệ, tương đương 6.681.485.600 đồng. Bên cạnh đó, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 086/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013, các Cổ đông Công ty đã quyết định thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là 620.004.449 đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo điều lệ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 số 086/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 83.518.570.000 đồng. Số lượng cổ phần và mệnh giá cổ phần như sau:

30/6/2013

Số lượng cổ phần được phép phát hành	8.351.857
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.351.857
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn điều lệ Công ty của các cổ đông cùng với tỉ lệ sở hữu tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>		<u>Vốn đã góp</u>	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
SCIC	3.985.942	3.985.942	39.859.420.000	39.859.420.000
Các cổ đông khác	4.365.915	4.365.915	43.659.150.000	43.659.150.000
	<u>8.351.857</u>	<u>8.351.857</u>	<u>83.518.570.000</u>	<u>83.518.570.000</u>

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải và Bộ phận kinh doanh xăng dầu, nhớt. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải <u>VND</u>	Kinh doanh xăng dầu, nhớt <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	230.618.547.334	80.866.924.515	311.485.471.849
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	177.190.345.997	77.826.826.280	255.017.172.277
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	53.428.201.337	3.040.098.235	56.468.299.572
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	3.851.278.326	121	3.851.278.447
Các chi phí trực tiếp	43.857.041.095	1.297.873.646	45.154.914.741
Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	2.517.051.667	64.574.638	2.581.626.305
Lợi nhuận trước thuế	10.905.386.901	1.677.650.072	12.583.036.973
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.533.184.850	419.412.518	2.952.597.368
Lợi nhuận sau thuế	<u>8.372.202.051</u>	<u>1.258.237.554</u>	<u>9.630.439.605</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013			
Tài sản bộ phận	93.844.217.975	10.887.867.361	104.732.085.336
Tài sản không phân bổ	-	-	67.947.485.241
Tổng tài sản	93.844.217.975	10.887.867.361	172.679.570.577
Nợ phải trả bộ phận	37.694.204.353	705.427.801	38.399.632.154
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	5.644.022.351
Tổng nợ phải trả	37.694.204.353	705.427.801	44.043.654.505

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	207.641.303.984	87.994.821.168	295.636.125.152
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	156.308.423.667	84.420.912.079	240.729.335.746
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	51.332.880.317	3.573.909.089	54.906.789.406
Doanh thu hoạt động tài chính, và thu nhập khác	3.018.201.944	169.680.971	3.187.882.915
Các chi phí trực tiếp	35.782.420.829	2.560.776.961	38.343.197.790
Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	2.767.527.911	90.176.336	2.857.704.247
Lợi nhuận trước thuế	15.801.133.521	1.092.636.763	16.893.770.284
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.795.368.380	273.159.191	4.068.527.571
Lợi nhuận sau thuế	<u>12.005.765.141</u>	<u>819.477.572</u>	<u>12.825.242.713</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Tài sản bộ phận	97.872.655.179	12.596.515.560	110.469.170.739
Tài sản không phân bổ	-	-	60.935.671.608
Tổng tài sản	97.872.655.179	12.596.515.560	171.404.842.347
Nợ phải trả bộ phận	36.451.385.582	953.646.353	37.405.031.935
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	6.838.909.786
Tổng nợ phải trả	<u>36.451.385.582</u>	<u>953.646.353</u>	<u>44.243.941.721</u>

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Doanh thu bán hàng	80.866.924.515	87.921.876.550
Doanh thu cung cấp dịch vụ	230.618.547.334	207.714.248.602
	<u>311.485.471.849</u>	<u>295.636.125.152</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	77.826.826.280	85.908.540.874
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	177.190.345.997	154.820.794.872
	<u>255.017.172.277</u>	<u>240.729.335.746</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	341.501.453	296.508.119
Chi phí nhân công	27.081.579.200	27.199.275.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.581.626.305	2.857.704.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.690.374.965	6.834.171.553
Chi phí khác	4.541.088.443	4.112.800.095
	<u>43.236.170.366</u>	<u>41.300.459.467</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi	2.008.512.009	2.147.563.660
Cổ tức, lợi nhuận được chia	772.647.500	619.660.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	126.701.111	207.291.787
	2.907.860.620	2.974.515.447

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền vay	8.555.064	5.139.278
Lỗ do bán khoản đầu tư	-	267.095.871
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	127.260.820	16.566.873
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.453.818	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(299.908.920)	(214.175.180)
	(139.639.218)	74.626.842

24. (LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	270.240.909	818.181
Bồi thường từ thu hồi đất của Nhà nước	662.142.777	-
Khác	11.034.141	212.549.287
Thu nhập khác	943.417.827	213.367.468
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	96.094.046	(4.462.300)
Tiền thuế đất nộp bổ sung từ những năm trước	4.438.182.140	-
Khác	49.681	(5.919.898)
Chi phí khác	4.534.325.867	(10.382.198)
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	(3.590.908.040)	202.985.270

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	12.583.036.973	16.893.770.284
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(772.647.500)	(619.660.000)
Thu nhập chịu thuế	11.810.389.473	16.274.110.284
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.952.597.368	4.068.527.571

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.630.439.605	12.825.242.713
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	8.351.857	8.351.857
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.153	1.536

27. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2013, Công ty đã nhận thông báo nộp tiền thuê đất từ Chi cục thuế Quận 4 với tổng số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước là 14.394.465.140 đồng. Khoản tiền này liên quan đến việc truy thu tiền thuê đất từ năm 2011 do sự thay đổi về đơn giá đất hiện hành. Tuy nhiên, vì chưa có Công văn của Sở Tài chính xác định đơn giá đất nên chưa thể quyết toán được tiền thuê đất từ năm 2011. Do đó, Công ty đã gửi công văn số 130/CV-KVMN ngày 11 tháng 4 năm 2013 đề xuất tạm nộp tiền thuê đất các năm 2011, 2012, 2013 với số tiền là 5.876.016.720 đồng và Chi cục thuế Quận 4 đã đồng ý số tiền tạm nộp trên. Hiện tại Công ty đang chờ Chi cục thuế và Sở tài chính xác định lại đơn giá tiền thuê đất. Tại thời điểm lập báo cáo này, số công nợ tiềm tàng liên quan đến lô đất quận 4 ước tính là 8.518.448.420 đồng.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2013, Công ty đã gửi Công văn lên Chi cục thuế quận Thủ Đức liên quan đến việc xác định đơn giá thuê đất đối với khu đất thuê ở quận Thủ Đức. Theo Công văn số 3293/STC-BVG gửi đến Chi cục Thuế quận Thủ Đức và Công ty, khu đất Thủ Đức đã hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất chu kỳ 5 năm nên Sở Tài chính đã xác định đơn giá thuê cho chu kỳ tiếp với đơn giá thuê đất là 86.400 đồng/m²/năm. Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2013, Công ty đang tạm nộp theo đơn giá cũ là 9.000 đồng/m²/năm và đang yêu cầu Sở Tài chính xem xét lại đơn giá thuê đất, do đó, tại thời điểm lập báo cáo, có một khoản công nợ tiềm tàng liên quan đến tiền thuê đất của lô đất tại quận Thủ Đức ước tính là 3.634.413.750 đồng. Hiện tại, Công ty đang chờ quyết định chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng, Công ty không cần lập dự phòng cho những khoản công nợ tiềm tàng nêu trên vì các khoản nợ này phát sinh từ sự không nhất quán trong việc áp dụng các quy định liên quan đến việc tính toán đơn giá tiền thuê đất.

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	10.100.416.254	11.093.555.528

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	14.990.522.430	3.466.419.023
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.638.303.095	5.068.413.301
Sau năm năm	2.871.647.408	3.303.859.500
Tổng cộng	22.500.472.933	11.838.691.824

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất dài hạn, thuê kho và thuê văn phòng tại các xí nghiệp.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.535.605.118	62.477.239.278
Phải thu khách hàng và phải thu khác (trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi)	66.530.025.123	58.298.305.862
Đầu tư ngắn hạn	2.972.690.280	2.672.781.360
Tài sản tài chính khác	591.373.400	706.113.400
Tổng cộng	130.629.693.921	124.154.439.900
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng và phải trả khác	34.532.073.752	31.648.654.648
Chi phí phải trả	166.498.000	212.218.008
Công nợ tài chính khác	602.501.000	567.876.000
Tổng cộng	35.301.072.752	32.428.748.656

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này

Quản lý rủi ro tỷ giá

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Công ty không có rủi ro lớn về tỉ giá vì luôn đảm bảo dự trữ nguồn ngoại tệ cần thiết để đáp ứng các nhu cầu của Công ty. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo như sau:

	Tài sản		Cộng nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	6.098.751.649	4.697.435.201	4.320.626.312	8.580.146.719
Euro (EUR)	8.089.013	68.650.822	4.939.749	195.410.730
Bảng Anh (GBP)	-	-	16.382.651	-
Đôla Úc (AUD)	-	-	-	29.965.208
Đôla Singapore (SGD)	-	-	-	39.981.680

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ, Đồng Euro, Đồng Bảng Anh, Đồng Đô la Úc và Đồng Đô la Singapore.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	177.812.534	533.801.186
Euro (EUR)	314.926	(19.451.465)
Bảng Anh (GBP)	(1.638.265)	-
Đôla Úc (AUD)	-	(2.953.075)
Đôla Singapore (SGD)	-	(854.169)
Tổng cộng	176.489.195	510.542.478

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa và thuê dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa và giá thuê dịch vụ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.535.605.118	-	60.535.605.118
Phải thu khách hàng và phải thu khác (trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi)	66.530.025.123	-	66.530.025.123
Đầu tư ngắn hạn	2.972.690.280	-	2.972.690.280
Tài sản tài chính khác	415.444.800	175.928.600	591.373.400
Tổng cộng	130.453.765.321	175.928.600	130.629.693.921

30/6/2013			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	34.532.073.752	-	34.532.073.752
Chi phí phải trả	166.498.000	-	166.498.000
Công nợ khác	-	602.501.000	602.501.000
Tổng cộng	34.698.571.752	602.501.000	35.301.072.752

Chênh lệch thanh khoản thuần	95.757.675.789	(426.572.400)	95.331.103.389
-------------------------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.477.239.278	-	62.477.239.278
Phải thu khách hàng và phải thu khác (trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi)	58.298.305.862	-	58.298.305.862
Đầu tư ngắn hạn	2.672.781.360	-	2.672.781.360
Tài sản tài chính khác	530.184.800	175.928.600	706.113.400
Tổng cộng	123.978.511.300	175.928.600	124.154.439.900

31/12/2012			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	31.648.654.648	-	31.648.654.648
Chi phí phải trả	212.218.008	-	212.218.008
Công nợ khác	-	567.876.000	567.876.000
Tổng cộng	31.860.872.656	567.876.000	32.428.748.656

Chênh lệch thanh khoản thuần	92.117.638.644	(391.947.400)	91.725.691.244
-------------------------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần SDB Việt Nam

Công ty liên kết

Từ 01/01/2013
đến 30/6/2013
VNDTừ 01/01/2012
đến 30/6/2012
VND**Công ty Cổ phần SDB Việt Nam**

Doanh thu

184.250.527

475.796.394

Mua hàng

-

1.488.368.503

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

30/6/2013
VND31/12/2012
VND**Công ty Cổ phần SDB Việt Nam**

Các khoản phải thu

17.750.157

3.700.000

Các khoản phải trả

571.12417.041.972

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

Từ 01/01/2013
đến 30/6/2013
VNDTừ 01/01/2012
đến 30/6/2012
VND

Lương

719.492.324

1.271.437.089

Thưởng

86.621.903

372.934.165

Các khoản phúc lợi khác

120.380.495473.308.661**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**Phạm Tường Minh
Người lập**TRẦN MẠNH ĐỨC**Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2013